

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI THẠC SỸ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	Kpă H' Blô	09/03/1998	Nữ	Tỉnh Gia Lai	HSK3 NGÀY THI 12/01/2025	Dân tộc thiểu số	
2	Phạm Ngọc Hân	27/11/1994	Nữ	Hà Nội	APTIS B2 NGÀY CẤP 8/04/2025	Không	
3	Nguyễn Thúy Hiền	20/10/1999	Nữ	Hà Nội	HSK4, NGÀY THI 18/1/2025	Không	
4	Nguyễn Thị Linh	27/12/1999	Nữ	Tỉnh Bắc Giang	APTIS B1 NGÀY THI 25/03/2025	Không	
5	Vũ Đức Long	25/11/2000	Nam	Hà Nội	HSK4, NGÀY THI 19/10/2024	Không	
6	Võ Hải Phương Nam	17/11/1999	Nam	Tỉnh Phú Thọ	BẠC 3, HỌC VIỆN AN NINH, NGÀY CẤP 6/5/2024	Không	
7	Phạm Thu Phương	20/04/1999	Nữ	Tỉnh Thái Bình	APTIS B1 NGÀY CẤP 16/09/2024	Không	
8	Lương Thị Thu	11/09/1999	Nữ	Tỉnh Thái Nguyên	GIẤY CHỨNG NHẬN HSK3 NGÀY 4/4/2025	Không	



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
9	Nguyễn Thị Trâm	06/02/1996	Nữ	Tỉnh Nghệ An	APTIS B1 CẤP NGÀY 20/4/2025	Không	
10	Lê Thị Ánh Tuyết	04/09/2000	Nữ	Tỉnh Lâm Đồng	HSK3, NGÀY 12/01/2025	Không	

(Danh sách có 10 thí sinh dự thi)./.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



*** GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy**



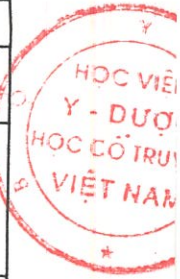
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI THẠC SỸ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	Nguyễn Việt Anh	17/10/1997	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	VB2-NNA	Không	
2	Nguyễn Thành Đạt	10/12/2000	Nam	Tỉnh Lâm Đồng	HSK3 NGÀY THI 19/5/2024	Không	
3	Nguyễn Văn Giang	06/03/1991	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	CỦ NHÂN NNA-TRƯỜNG ĐH THÁI NGUYÊN ngày cấp 25/12/2024	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
4	Phạm Ngọc Hà	30/05/1994	Nam	Tỉnh Nam Định	BẬC 3, ĐẠI HỌC HÀ NỘI, NGÀY 12/9/2024	Không	
5	Phùng Thị Thu Hà	10/12/2000	Nữ	Tỉnh Tuyên Quang	HSK3 NGÀY THI 21/07/2024	Không	
6	Phạm Minh Hải	25/02/1995	Nam	Tỉnh Yên Bái	GIẤY CHỨNG NHẬN, APTIS NGÀY CẤP 19/4/2025	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
7	Phùng Thị Hồng	01/11/1993	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	CỦ NHÂN NNA-TRƯỜNG ĐH THÁI NGUYÊN ngày cấp 18/9/2024	Không	
8	Vũ Quang Huy	14/03/1999	Nam	Tỉnh Thái Bình	HSK3, NGÀY CẤP 11/6/2023	Không	



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
9	Đỗ Thị Thuý Liên	23/02/1994	Nữ	Tỉnh Nam Định	BẬC 3, ĐẠI HỌC HÀ NỘI, NGÀY 30/9/2024	Không	
10	Trịnh Thị Hải Linh	24/03/1991	Nữ	Hà Nội	BẬC 4, ĐẠI HỌC HÀ NỘI, NGÀY CẤP 14/4/2025	Không	
11	Lương Hồng Nhị	24/10/1997	Nữ	Tỉnh Cao Bằng	APTIS B1 NGÀY THI 17/3/2024	Không	
12	Nguyễn Xuân Thái	21/09/1998	Nam	Tỉnh Phú Thọ	BẬC 3, ĐH HÀ NỘI, NGÀY CẤP 31/3/2025	Không	
13	Nguyễn Trường Thi	27/08/1995	Nam	Hà Nội	HỌC LIÊN KẾT	Không	
14	Nguyễn Mạnh Tường	26/07/1988	Nam	Tỉnh Hưng Yên	BẬC 3, HỌC VIỆN QUÂN SỰ, NGÀY 6/11/2024	Không	
15	Nguyễn Khắc Việt	22/08/1991	Nam	Tỉnh Bắc Giang	HỌC LIÊN KẾT	Không	

(Danh sách có 15 thí sinh dự thi)./.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



**GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy**



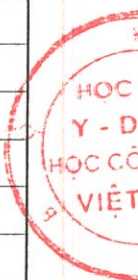
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHUYÊN KHOA II
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

STT	Họ	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn	Anh	28/04/1991	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Trung	Không	
2	Phạm Đắc	Cao	22/01/1979	Nam	Tỉnh Nghệ An	Tiếng Anh	Không	
3	Phạm Văn	Cường	11/08/1982	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	Không	
4	Dương Thị	Diệp	25/02/1990	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	Tiếng Anh	Không	
5	Hán Trung	Đức	03/02/1992	Nam	Tỉnh Phú Thọ	Tiếng Anh	Không	
6	Nguyễn Minh	Đức	13/03/1983	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Tiếng Anh	Không	
7	Nguyễn Văn	Dũng	28/03/1985	Nam	Tỉnh Bắc Giang	Tiếng Trung	Không	
8	Lê Thị Thùy	Dương	28/03/1990	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Tiếng Anh	Không	
9	Vương Thị	Duyên	07/04/1983	Nữ	Tỉnh Hà Giang	Tiếng Anh	Không	
10	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/06/1989	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Tiếng Trung	Không	
11	Đào Thị Thu	Hằng	22/10/1987	Nữ	Tỉnh Thái Nguyên	Tiếng Anh	Không	
12	Phạm Thị	Hiền	12/09/1975	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Tiếng Anh	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
13	Lê Đình	Học	11/04/1986	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	Không	
14	Võ Thị	Hồng	20/07/1993	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	Tiếng Trung	Không	
15	Hoàng Thái	Hùng	17/02/1984	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Tiếng Anh	Không	



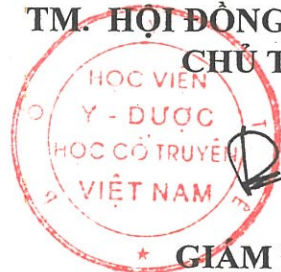
STT	Họ	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
16	Phạm Tiến	Hưng	26/03/1986	Nam	Tỉnh Đắk Lắk	Tiếng Anh	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
17	Nguyễn Thu	Hương	14/06/1982	Nữ	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	Không	
18	Phạm Thị	Hương	25/11/1995	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Tiếng Anh	Không	
19	Trần Quốc	Huy	13/09/1988	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	Không	
20	Lê Thị Thanh	Huyền	08/10/1993	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	Tiếng Anh	Không	
21	Phạm Lê	Huyền	20/11/1994	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Miễn thi	Không	
22	Nguyễn Minh	Khang	02/07/1988	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	Không	
23	Nguyễn Quốc	Kỳ	06/10/1993	Nam	Tỉnh Nghệ An	Tiếng Anh	Không	
24	Đỗ Hoàng	Lâm	07/12/1986	Nam	Tỉnh Nam Định	Miễn thi	Không	
25	Nguyễn Thị	Lan	06/03/1987	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	Tiếng Trung	Không	
26	Nhữ Thị	Lan	25/02/1991	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Miễn thi	Không	
27	Phạm Ngọc	Liễu	27/07/1969	Nam	Tỉnh Đắk Lắk	Tiếng Anh	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
28	Hoàng Vũ	Linh	22/07/1994	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	Tiếng Anh	Không	
29	Phạm Văn	Linh	20/08/1987	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
30	Tô Thị	Linh	29/06/1994	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Miễn thi	Không	
31	Trần Ngọc	Linh	02/07/1987	Nam	Tỉnh Nghệ An	Miễn thi	Không	
32	Dương Thị	Ly	09/10/1987	Nữ	Tỉnh Thái Nguyên	Tiếng Anh	Không	
33	Nguyễn Hà	My	15/08/1986	Nữ	Hà Nội	Tiếng Anh	Không	
34	Dương Đình	Nghiệp	04/09/1984	Nam	Tỉnh Thái Nguyên	Tiếng Anh	Không	
35	Dương Thị Ánh	Ngọc	02/06/1988	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	Tiếng Anh	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
36	Hoàng Như	Ngọc	17/09/1991	Nữ	Tỉnh Vĩnh Phúc	Miễn thi	Không	
37	Trần Bá	Ngọc	05/08/1986	Nam	Tỉnh Nghệ An	Tiếng Anh	Không	

STT	Họ	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
38	Đặng Thanh	Nguyên	10/03/1980	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Tiếng Anh	Không	
39	Đặng Viết	Nguyên	04/05/1988	Nam	Tỉnh Đắk Nông	Tiếng Anh	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
40	Nguyễn Thị	Nguyễn	20/05/1984	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Tiếng Anh	Không	
41	Nguyễn Đình	Nhân	23/01/1993	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	Tiếng Anh	Không	
42	Vũ Hoàng	Oanh	06/02/1996	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	Tiếng Trung	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
43	Nguyễn Thị	Phượng	27/08/1989	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	Tiếng Anh	Không	
44	Nguyễn Minh	Quân	08/11/1996	Nam	Tỉnh Đắk Lắk	Tiếng Anh	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
45	Nguyễn Minh	Quyết	17/10/1977	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	Không	
46	Đoàn Ngọc	Sâm	22/04/1988	Nam	Tỉnh Thái Nguyên	Tiếng Trung	Không	
47	Nguyễn Thị Mai	Sang	01/11/1983	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Miễn thi	Không	
48	Lê Bá	Tài	30/05/1995	Nam	Tỉnh Nghệ An	Miễn thi	Không	
49	Trần Đức	Tạo	30/01/1977	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	Không	
50	Lê Văn	Thắng	10/12/1984	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	Miễn thi	Không	
51	Nguyễn Đình	Thắng	11/08/1992	Nam	Tỉnh Nghệ An	Tiếng Anh	Không	
52	Dương Trung	Thành	28/10/1983	Nam	Hà Nội	Miễn thi	Không	
53	Trương Thu	Thảo	16/11/1989	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Miễn thi	Không	
54	Trịnh Tiến	Thống	02/08/1982	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	Không	
55	Phạm Thị Anh	Thư	19/06/1988	Nữ	Tỉnh Thái Bình	Tiếng Anh	Không	
56	Vũ Thị Thương	Thương	06/09/1993	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	Tiếng Anh	Không	
57	Nguyễn Thị	Thủy	25/04/1983	Nữ	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	Không	
58	Phạm Thị Thanh	Thủy	09/01/1972	Nữ	TP Hải Phòng	Tiếng Trung	Không	
59	Đỗ Văn	Toản	08/12/1986	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	Không	

STT	Họ	tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
60	Bùi Viết	Trí	18/01/1995	Nam	Tỉnh Đắk Lắk	Tiếng Anh	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
61	Phan Anh	Tú	17/12/1991	Nam	Tỉnh Đắk Lắk	Tiếng Anh	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
62	Nguyễn Đình	Tùng	09/07/1983	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Trung	Không	
63	Hoàng Thị Ánh	Tuyết	24/09/1991	Nữ	Tỉnh Lai Châu	Tiếng Anh	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
64	Lê Đình	Việt	25/07/1982	Nam	Hà Nội	Miễn thi	Không	
65	Nguyễn Văn	Việt	20/01/1975	Nam	Tỉnh Thái Nguyên	Tiếng Anh	Không	
66	Phạm Minh	Vương	21/04/1988	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Miễn thi	Không	
67	Nguyễn Trương Ái	Vy	11/12/1995	Nữ	Tỉnh Gia Lai	Tiếng Anh	Không	
68	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	30/04/1989	Nữ	Nghệ Tĩnh	Tiếng Anh	Không	
69	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	14/08/1996	Nữ	Tỉnh Gia Lai	Tiếng Anh	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	

(Danh sách có 69 thí sinh dự thi)./.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



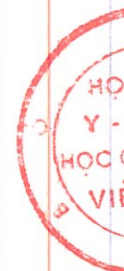
GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy



Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHUYÊN KHOA I
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	Lương Tuệ	Anh	03/04/1991	Nữ	Tỉnh Sơn La	Không	
2	Nguyễn Phương	Anh	08/12/1998	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Không	
3	Nguyễn Thị Kim	Anh	04/12/1993	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
4	Nguyễn Tuấn	Anh	16/07/1994	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	
5	Phạm Nguyễn Lan	Anh	15/11/1996	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
6	Phạm Thị Hồng	Anh	28/08/1990	Nữ	Hà Nội	Không	
7	Phùng Phương	Anh	16/12/1989	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
8	Vũ Thị Ngọc	Anh	26/09/1993	Nữ	Tỉnh Điện Biên	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
9	Nông Thị Hồng	Ánh	28/12/1991	Nữ	Tỉnh Cao Bằng	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
10	Tạ Ngọc	Ánh	13/01/1992	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
11	Ngô Thị	Bình	27/12/1989	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	Không	
12	Phan Bá	Cát	01/09/1997	Nam	Tỉnh Nghệ An	Không	



STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
13	Đỗ Thị Linh	Chi	07/07/1996	Nữ	Tỉnh Sơn La	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
14	Đoàn Ngọc Linh	Chi	02/06/1996	Nữ	Tỉnh Sơn La	Không	
15	Nguyễn Thị Linh	Chi	24/01/1998	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
16	Võ Thị Liên	Chi	03/04/1991	Nữ	Tỉnh Tiền Giang	Không	
17	Nguyễn Đức	Chiến	27/11/1992	Nam	Hà Nội	Không	
18	Dương Tiến	Công	14/10/1998	Nam	Tỉnh Gia Lai	Không	
19	Võ Chí	Công	10/02/1987	Nam	Tỉnh Khánh Hòa	Không	
20	Vũ Lại Thành	Công	18/11/1992	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Không	
21	Vương Văn	Công	01/07/1996	Nam	Tỉnh Lào Cai	Dân tộc thiểu số	
22	Đỗ Thị	Cúc	21/12/1992	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Không	
23	Vũ Thị	Cúc	06/01/1985	Nữ	Tỉnh Nam Định	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
24	Đỗ Công	Cường	25/04/1984	Nam	Hà Nội	Không	
25	Nguyễn Mạnh	Cường	28/05/1986	Nam	Tỉnh Nghệ An	Không	
26	Nguyễn Hữu	Đáp	01/02/1991	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Không	
27	Nguyễn Thị Anh	Diễn	21/04/1995	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	
28	Nguyễn Đắc	Định	24/05/1995	Nam	Tỉnh Hưng Yên	Không	
29	Cao Hoàng	Du	28/09/1993	Nam	Tỉnh Hà Nam	Không	
30	Cao Cự Tấn	Dũng	15/11/1998	Nam	Tỉnh Nghệ An	Không	
31	Phùng Thị Mỹ	Duyên	19/09/1997	Nữ	Tỉnh Sơn La	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
32	Đào Thị	Giang	20/10/1996	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
33	Trần Thuỷ	Giang	16/09/1995	Nữ	Tỉnh Sơn La	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
34	Đặng Trọng	Giáp	09/07/1984	Nam	Tỉnh Đắk Lắk	Không	
35	Lô Thị Ngọc	Hà	05/06/1996	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
36	Phạm Thị Cẩm	Hà	07/10/1995	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	
37	Phan Thị Ngọc	Hà	02/05/1989	Nữ	Tỉnh Sơn La	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
38	Phan Thị Thu	Hà	28/12/1997	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Không	
39	Trần Mạnh	Hà	03/11/1985	Nam	Tỉnh Nam Định	Không	
40	Trần Thị Thanh	Hà	27/05/1996	Nữ	Tỉnh Quảng Trị	Không	
41	Đặng Thị	Hải	28/10/1997	Nữ	Nghệ Tĩnh	Không	
42	Đỗ Ngọc	Hải	05/05/1996	Nam	Tỉnh Hải Dương	Không	
43	Hồ Thanh	Hải	10/06/1997	Nam	Tỉnh Quảng Bình	Không	
44	Lương Đình	Hải	28/05/1992	Nam	Tỉnh Lào Cai	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
45	Trịnh Duy	Hải	31/10/1989	Nam	Tỉnh Hưng Yên	Không	
46	Võ Phi	Hải	22/09/1998	Nam	Tỉnh Quảng Bình	Không	
47	Vũ Tuấn	Hải	21/10/1976	Nam	Tỉnh Nghệ An	Không	
48	Lê Thị	Hân	19/09/1997	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
49	Phạm Thúy	Hằng	02/01/1993	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	
50	Đoàn Sơn	Hạnh	20/12/1994	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	
51	Hoàng Thị Tuyết	Hạnh	21/05/1989	Nữ	Tỉnh Hà Giang	Không	
52	Trần Hồng	Hạnh	16/02/1997	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
53	Nguyễn Bá	Hào	20/06/1986	Nam	Hà Nội	Không	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
54	Nguyễn Thu	Hiền	01/06/1996	Nữ	Tỉnh Sơn La	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
55	Trần Thị Thu	Hiền	12/08/1995	Nữ	Tỉnh Quảng Bình	Không	
56	Vũ Thu	Hiền	17/08/1996	Nữ	Tỉnh Sơn La	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
57	Nguyễn Văn	Hiếu	02/01/1984	Nam	Tỉnh Hưng Yên	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
58	Bùi Thị	Hoa	12/04/1996	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
59	Nguyễn Thị	Hoài	14/09/1994	Nữ	Tỉnh Kon Tum	Không	
60	Nguyễn Thị Thu	Hoài	16/01/1998	Nữ	Nghệ Tĩnh	Không	
61	Phạm Thị	Hoan	31/12/1982	Nữ	Tỉnh Yên Bái	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
62	Nguyễn Thị	Hoàn	10/11/1991	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
63	Mai Quốc	Hoàng	23/02/1997	Nam	Tỉnh Thừa thiên-Huế	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
64	Nguyễn Ngọc	Hoàng	12/03/1994	Nam	Tỉnh Lai Châu	Không	
65	Trần Hữu	Hoàng	10/08/1998	Nam	Tỉnh Nghệ An	Không	
66	Đàm Thị	Hồng	02/06/1986	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Không	
67	Đỗ Thị	Hồng	07/07/1996	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
68	Bạch Thị Hồng	Huế	23/09/1988	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
69	Lê Thị	Huệ	12/05/1993	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
70	Thạch Thị	Huệ	11/06/1996	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	Dân tộc thiểu số	
71	Hoàng Văn	Hùng	22/1/1982	Nam	Tỉnh Hưng Yên	Không	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
72	Lê Quang	Hùng	20/07/1987	Nam	Tỉnh Tuyên Quang	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
73	Nguyễn Như	Hùng	14/04/1996	Nam	Tỉnh Nghệ An	Không	
74	Nông Hoàng	Hưng	30/05/1990	Nam	Tỉnh Cao Bằng	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
75	Quách Dương	Hưng	14/09/1988	Nam	Tỉnh Hưng Yên	Không	
76	Doãn Thị Thanh	Hương	29/05/1985	Nữ	Tỉnh Vĩnh Phúc	Không	
77	Hà Lê	Hương	16/08/1995	Nữ	Tỉnh Sơn La	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
78	Lò Thị Mai	Hương	23/11/1996	Nữ	Tỉnh Sơn La	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
79	Nguyễn Thị Minh	Hương	22/07/1993	Nữ	Tỉnh Kon Tum	Không	
80	Vũ Thị Mai	Hương	15/07/1996	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	Không	
81	Nguyễn Thị	Hương	26/07/1995	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
82	Đinh Gia	Huy	08/05/1999	Nam	Tỉnh Đắk Lắk	Không	
83	Nguyễn Quang	Huy	18/11/1980	Nam	Tỉnh Yên Bái	Không	
84	Bùi Thị Mỹ	Huyền	31/07/1998	Nữ	Nghệ Tĩnh	Không	
85	Đinh Thương	Huyền	30/10/1989	Nữ	Tỉnh Điện Biên	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
86	Hoàng Hà Ngọc	Huyền	18/06/1996	Nữ	Tỉnh Lai Châu	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
87	Lưu Thị Thu	Huyền	09/04/1988	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
88	Nguyễn Thanh	Huyền	15/12/1996	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
89	Nguyễn Thị	Huyền	20/07/1990	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	Không	
90	Nguyễn Thị	Huyền	14/07/1991	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
91	Trần Thị Thanh	Huyền	28/02/1997	Nam	Tỉnh Nghệ An	Không	
92	H Phiêu	Kbuôr	17/01/1995	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
93	Nguyễn Thị	Khánh	08/08/1997	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Không	
94	Nguyễn Trường	Khánh	10/09/1996	Nam	Tỉnh Quảng Bình	Không	
95	Phạm Văn	Khuong	28/03/1981	Nam	Hà Nội	Không	
96	Đặng Huỳnh	Kỳ	17/07/1994	Nam	Tỉnh Phú Yên	Không	
97	Nguyễn Thị Ngọc	Lam	19/05/1997	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
98	Nguyễn Thị Thanh	Lam	28/11/1997	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
99	Nguyễn Phương	Lan	03/09/1991	Nữ	Hà Nội	Không	
100	Tòng Thị Mai	Lan	24/04/1988	Nữ	Tỉnh Sơn La	Dân tộc thiểu số	
101	Hồ Thị Khánh	Lê	19/11/1997	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	
102	Phan Hồng	Lê	21/07/1985	Nam	Tỉnh Hà Giang	Dân tộc thiểu số	
103	Trần Pê	Lê	27/02/1977	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	
104	Bùi Thị Mỹ	Linh	19/09/1997	Nữ	Tỉnh Quảng Bình	Không	
105	Hoàng Duy	Linh	25/01/1995	Nam	Tỉnh Thái Bình	Không	
106	Lê Thị Kiều	Linh	09/07/1996	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
107	Trần Thị Thanh	Loan	13/02/1983	Nữ	Tỉnh Cao Bằng	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
108	Trần Thị	Lợi	10/11/1983	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
109	Lê	Luận	27/03/1994	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Không	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
110	Lê Đức	Lực	27/11/1991	Nam	Tỉnh Lâm Đồng	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
111	Lâm Thị Thúy	Ly	19/10/1996	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	Dân tộc thiểu số	
112	Lương Huyền	Ly	18/07/1995	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Không	
113	Mùa Thị	Mai	12/06/1986	Nữ	Tỉnh Sơn La	Dân tộc thiểu số	
114	Nông Thị Quỳnh	Mai	25/12/1998	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	Dân tộc thiểu số	
115	Nghiêm Quang	Mạnh	12/04/1994	Nam	Hà Nội	Không	
116	Nguyễn Văn	Mạnh	01/08/1994	Nam	Tỉnh Sơn La	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
117	Lê Văn	Minh	05/05/1988	Nam	Hà Nội	Không	
118	Phạm Thị	Na	20/10/1997	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
119	Nguyễn Văn	Nam	21/05/1983	Nam	Tỉnh Hưng Yên	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
120	Phan Thuý	Nga	29/06/1996	Nữ	Tỉnh Bình Định	Không	
121	Trần Thanh	Nga	10/04/1984	Nữ	Tỉnh Tuyên Quang	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
122	Trần Thị	Nga	02/04/1998	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
123	Hoàng Thu	Ngân	02/07/1995	Nữ	Tỉnh Lạng Sơn	Không	
124	Nguyễn Sinh	Nghị	11/03/1984	Nam	Tỉnh Nghệ An	Không	
125	Hoàng Doanh	Nghiệp	30/04/1998	Nam	Tỉnh Nghệ An	Không	
126	Đỗ Thị	Ngọc	07/09/1980	Nữ	Hà Nội	Không	
127	Lê Viết	Ngọc	21/06/1993	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Không	
128	Nguyễn Thị	Ngọc	04/01/1997	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
129	Trần Thị	Ngọc	10/04/1992	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	
130	Hà Thị Y	Nguyên	31/10/1990	Nữ	Tỉnh Gia Lai	Không	
131	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	12/03/1997	Nữ	Tỉnh Thừa thiên-Huế	Không	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
132	Hoàng Thị Thanh	Nhàn	10/10/1992	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	Không	
133	Hoàng Tâm	Như	20/01/1998	Nữ	Tỉnh Sơn La	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
134	Nguyễn Quỳnh	Như	02/08/1995	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	
135	Hà Thị Hồng	Nhung	06/10/1995	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
136	Nguyễn Thị	Nhung	19/05/1991	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	
137	Phạm Hồng	Nhung	25/11/1997	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
138	Lê Tự	Phú	04/06/1989	Nam	Tỉnh Đắk Lắk	Không	
139	Phúc Văn	Phú	22/12/1988	Nam	Tỉnh Hà Giang	Không	
140	Hồ Thị	Phương	16/06/1987	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
141	Nguyễn Thị Mai	Phương	01/04/1996	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
142	Nguyễn Thị Thu	Phương	11/10/1997	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Không	
143	Tổng Thanh	Phương	10/09/1985	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	
144	Bùi Thị Thái	Phượng	17/2/1996	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	
145	Lê Thị	Phượng	18/07/1990	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Không	
146	Lê Hải	Quân	15/09/1985	Nam	Tỉnh Nghệ An	Không	
147	Trịnh Lệ	Quỳnh	08/07/1988	Nữ	Tỉnh Hoàng Liên Sơn	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
148	Nguyễn Văn	Quyết	30/08/1986	Nam	Tỉnh Hà Giang	Không	
149	Hoàng Thị	Quỳnh	30/03/1996	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
150	Phan Thị Như	Quỳnh	30/10/1998	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
151	Nguyễn Hải	Son	02/12/1989	Nam	Tỉnh Lào Cai	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
152	Nguyễn Tố	Tâm	16/12/1997	Nữ	Hà Nội	Không	
153	Nguyễn Văn	Tế	16/10/1995	Nam	Tỉnh Nghệ An	Không	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
154	Nguyễn Văn	Thắng	16/08/1988	Nam	Hà Nội	Không	
155	Võ Nhật	Thành	15/05/1996	Nam	Tỉnh Nghệ An	Không	
156	Cổng Thanh	Thảo	21/10/1982	Nam	Tỉnh Gia Lai	Không	
157	Hoàng Thanh	Thảo	08/07/1996	Nữ	Tỉnh Quảng Ninh	Không	
158	Kim Nhật	Thảo	22/08/1997	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Không	
159	Lường Hoài	Thảo	18/04/1997	Nữ	Tỉnh Sơn La	Dân tộc thiểu số	
160	Phạm Thị	Thảo	15/08/1996	Nữ	Tỉnh Quảng Trị	Không	
161	Trương Thị	Thảo	10/08/1993	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Không	
162	Tung Thị Phương	Thảo	13/11/1996	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
163	Nguyễn Thị	Thom	25/11/1999	Nữ	Tỉnh Lai Châu	Không	
164	Nguyễn Xuân	Thu	03/12/1982	Nữ	Tỉnh Yên Bái	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
165	Hồ Anh	Thư	18/09/1999	Nam	Tỉnh Đắk Lắk	Không	
166	Nguyễn Thị	Thước	20/11/1986	Nữ	Tỉnh Hà Giang	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
167	Nguyễn Thị Hoài	Thương	15/07/1997	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
168	Nguyễn Thị Thu	Thương	08/05/1983	Nữ	Tỉnh Quảng Bình	Không	
169	Lê Thị	Thủy	10/10/1988	Nữ	Tỉnh Hà Giang	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
170	Cao Thị Thanh	Thúy	19/06/1990	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	Không	
171	Đinh Thị	Thúy	07/09/1996	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
172	Lê Thị Thủy	Tiên	05/04/1995	Nữ	Tỉnh Quảng Bình	Không	
173	Đoàn Thị	Toán	20/09/1987	Nữ	Tỉnh Tuyên Quang	Không	
174	Bùi Thị	Toàn	14/03/1989	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Không	
175	Đặng Thị	Trà	16/12/1996	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
176	Đoàn Ngọc Phương	Trang	17/12/1986	Nữ	Tỉnh Gia Lai	Không	
177	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/03/1997	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
178	Nguyễn Thị Huyền	Trang	20/8/1998	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Không	
179	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/12/1986	Nữ	Tỉnh Yên Bái	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
180	Trần Thị	Trang	05/09/1988	Nữ	Hà Nội	Không	
181	Từ Thị Thanh	Trang	18/05/1995	Nữ	Tỉnh Quảng Bình	Không	
182	Lê Văn	Trọng	05/09/1996	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
183	Nguyễn Thị Phương	Trúc	26/07/1997	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	Không	
184	Nguyễn Phi	Trung	25/09/1997	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	
185	Bùi Đức	Tùng	21/8/1998	Nam	TP Hải Phòng	Không	
186	Bùi Mạnh	Tùng	07/10/1989	Nam	TP Hải Phòng	Không	
187	Lê Tiến	Tùng	13/06/1987	Nam	Tỉnh Tuyên Quang	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
188	Nguyễn Thanh	Tùng	30/07/1988	Nam	Tỉnh Sơn La	Không	
189	Hoàng Song Ngọc	Tuyền	26/11/1998	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	Không	
190	Đỗ Thị	Tuyền	07/08/1996	Nữ	Tỉnh Sơn La	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
191	Đào Thị	Tuyệt	12/10/1985	Nữ	Hà Tây	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
192	Cầm Thị	Uyên	06/06/1993	Nữ	Tỉnh Sơn La	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
193	Lâm Thùy	Vân	09/11/1999	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	Không	
194	Trần Văn	Vĩnh	01/04/1990	Nam	Tỉnh Sơn La	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
195	Ma Đức	Vỹ	09/05/1979	Nam	Tỉnh Thái Nguyên	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
196	Cao Thanh	Xuân	14/04/1993	Nữ	Tỉnh Đắk Lắk	Không	
197	Nguyễn Thị	Xuyến	22/03/1990	Nữ	TP Hà Nội	Không	
198	Phùng Hải	Yến	23/08/1992	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Công tác liên tục từ 2 năm khu vực 1	
199	Trần Hải	Yến	16/08/1994	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	Không	

(Danh sách có 199 thí sinh dự thi)./.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

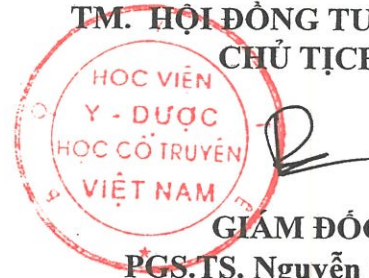
Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH DỰ THI CHUYÊN KHOA I
NGÀNH DƯỢC LIỆU - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	Lê Thị Thu	Hằng	27/10/1984	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	Không	
2	Lại Thị Thùy	Linh	16/03/1988	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	Không	
3	Phạm Anh	Vũ	01/11/1990	Nam	Tỉnh Phú Thọ	Không	
4	Vũ Kim	Vương	19/02/1986	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Không	

(Danh sách có 04 thí sinh dự thi)./.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2025

DANH SÁCH DỰ THI CHUYÊN KHOA I
NGÀNH DƯỢC LIỆU - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	Lê Thị Thu	Hằng	27/10/1984	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	Không	
2	Lại Thị Thùy	Linh	16/03/1988	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	Không	
3	Phạm Anh	Vũ	01/11/1990	Nam	Tỉnh Phú Thọ	Không	
4	Vũ Kim	Vương	19/02/1986	Nam	Tỉnh Vĩnh Phúc	Không	

(Danh sách có 04 thí sinh dự thi)./.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

HỌC VIỆN
Y - DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy